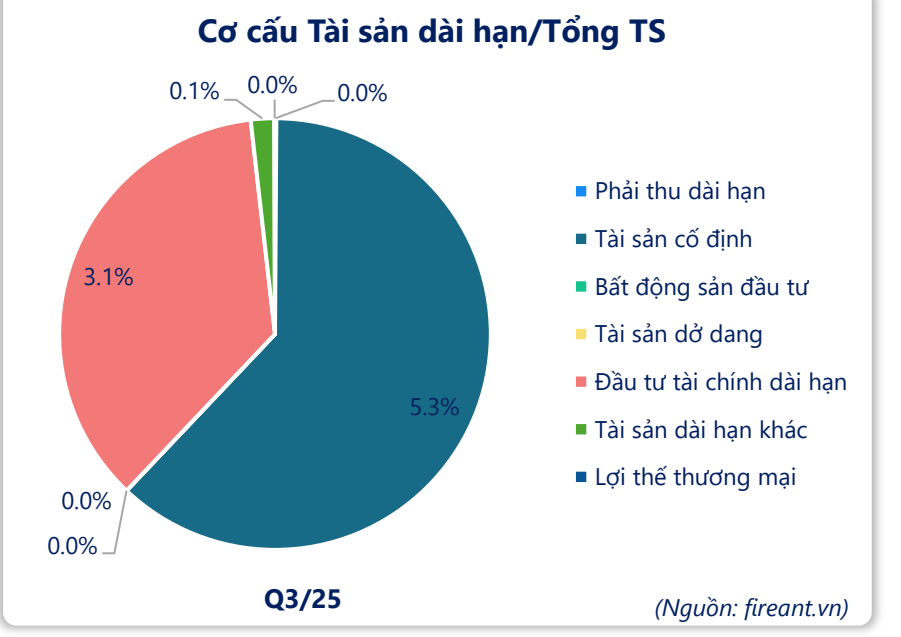
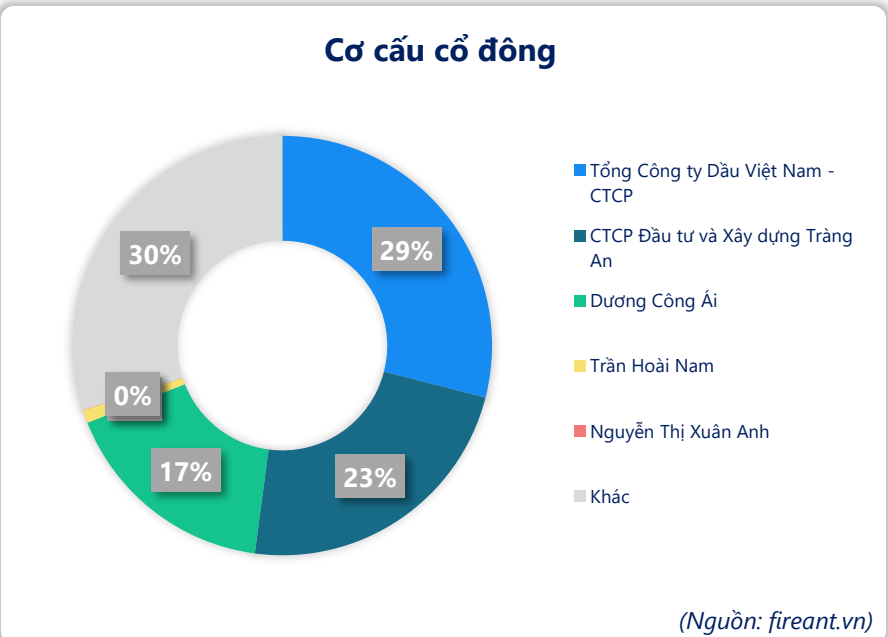
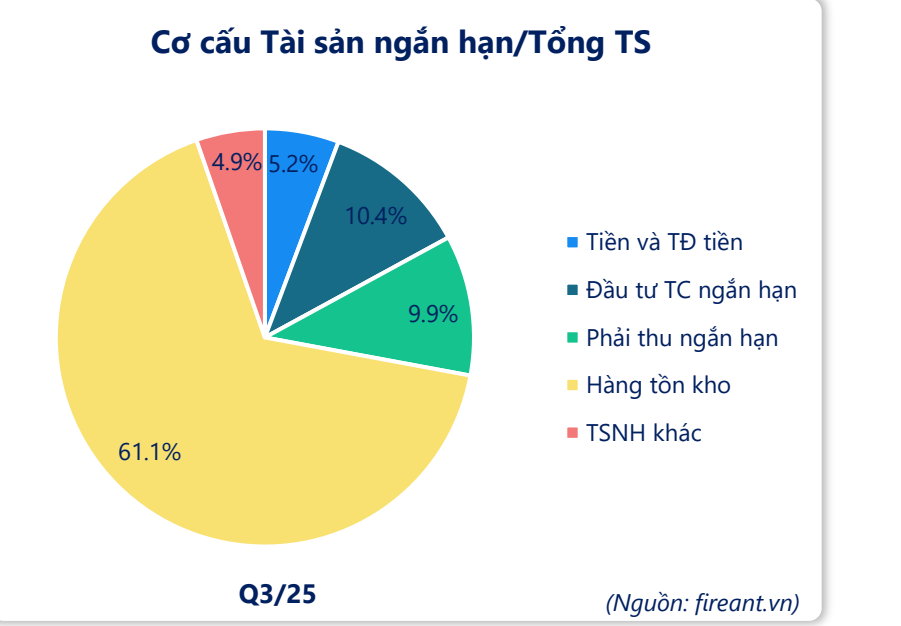
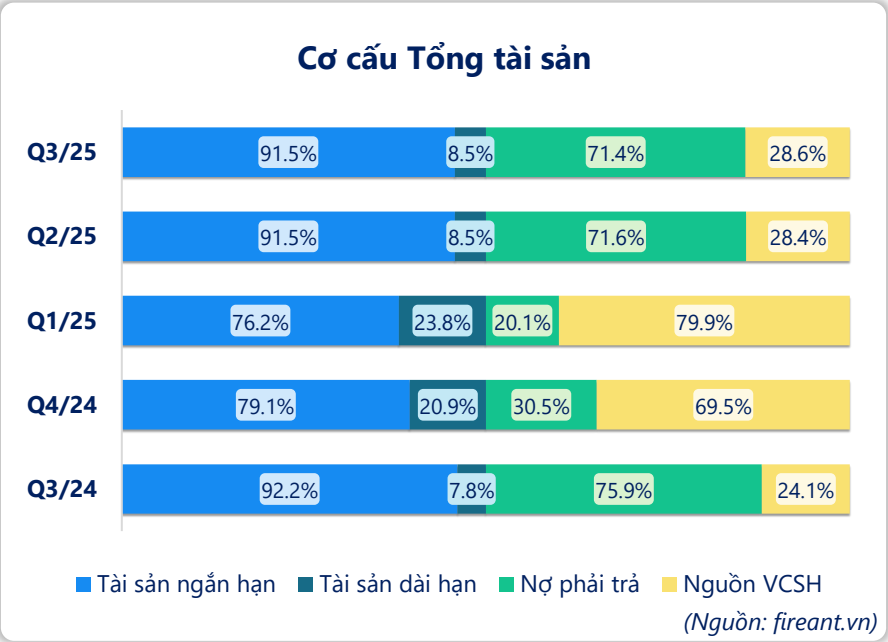
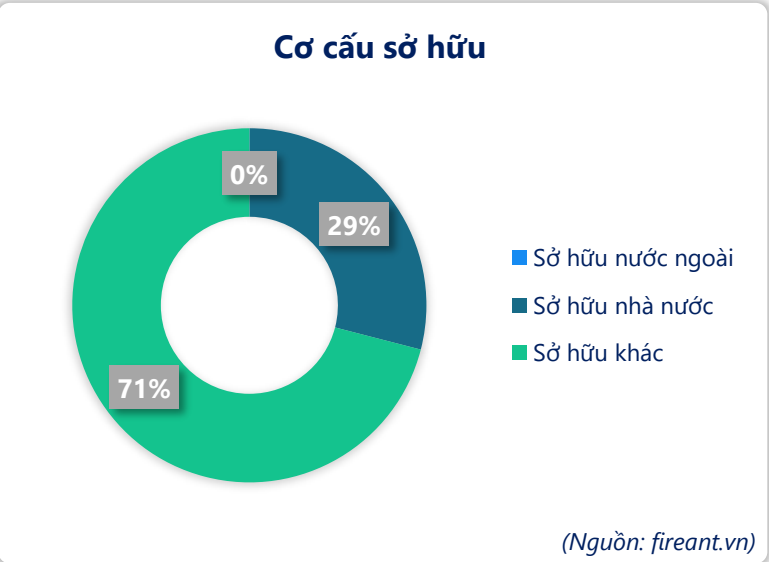
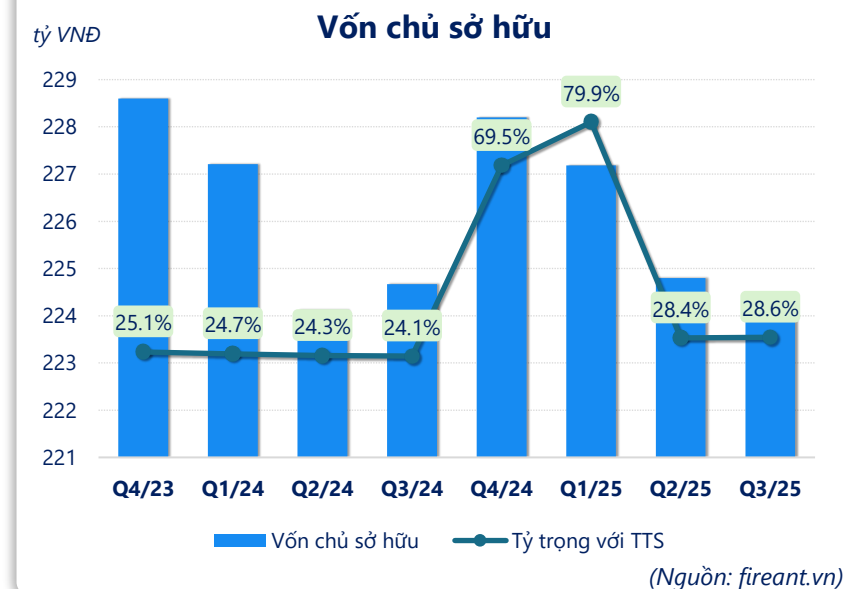
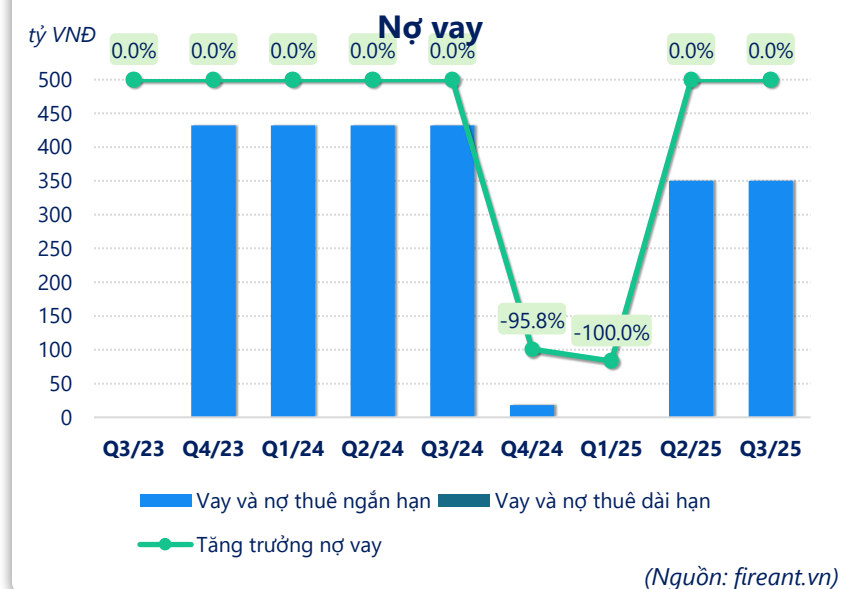
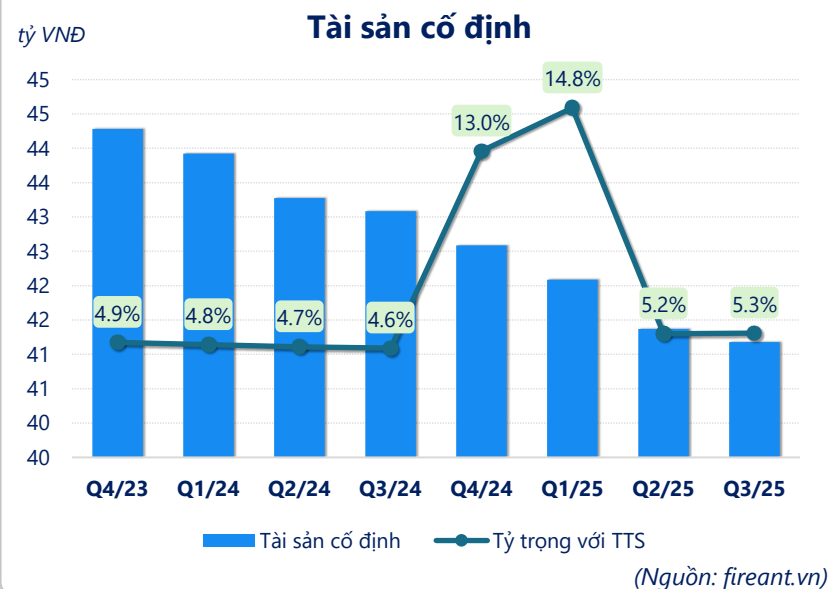
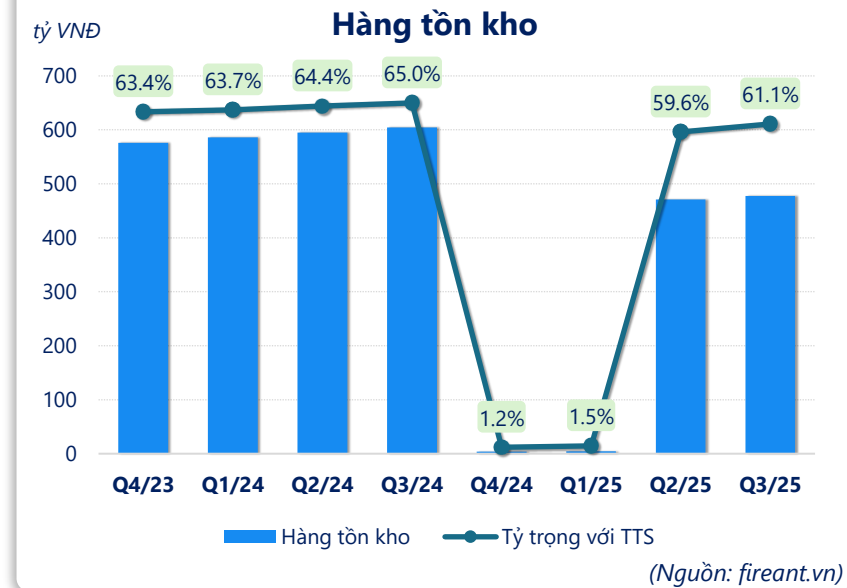
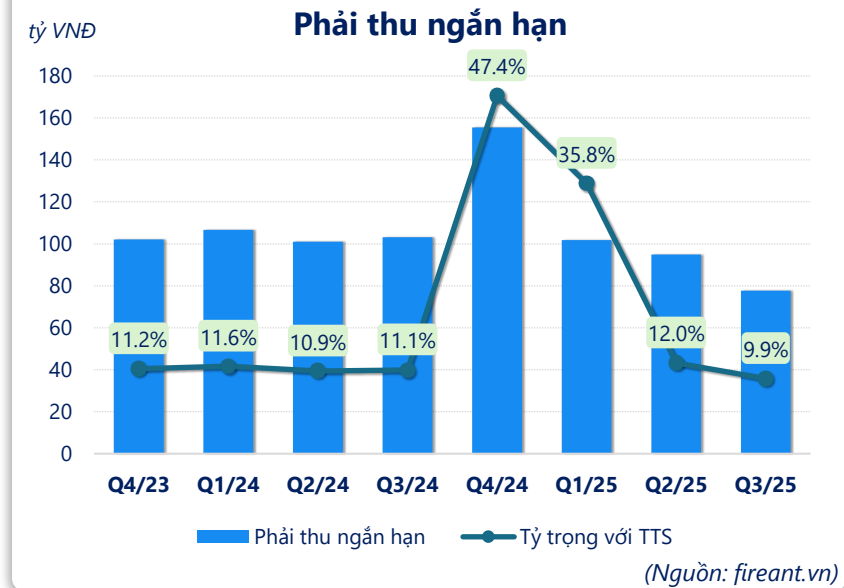
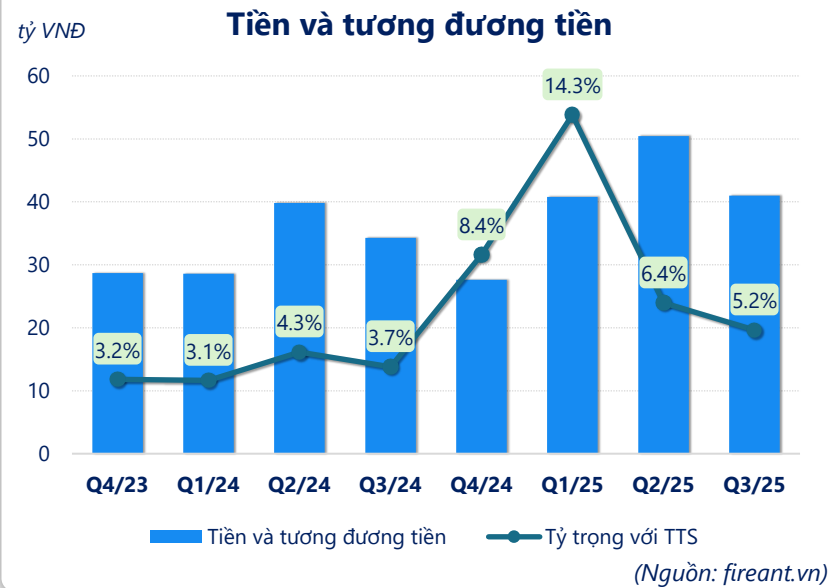
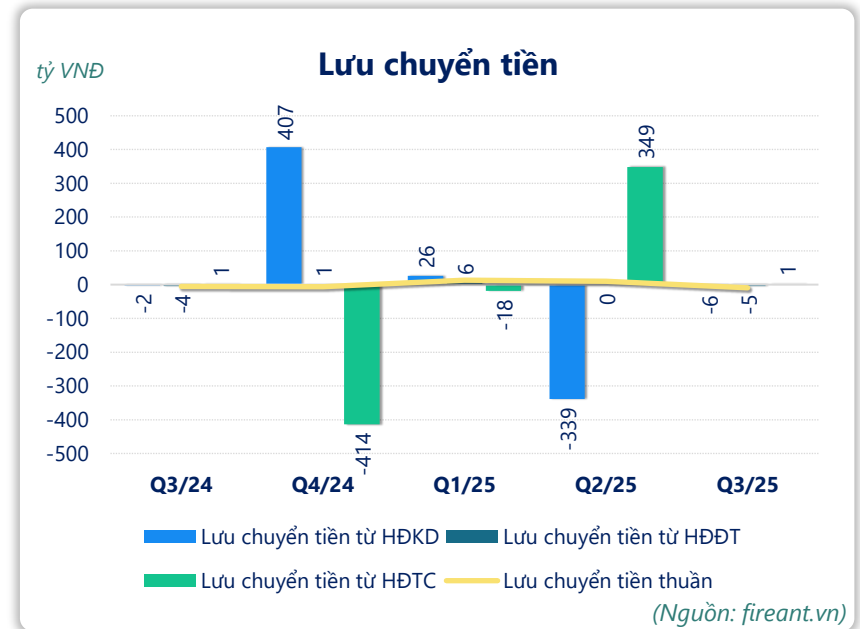
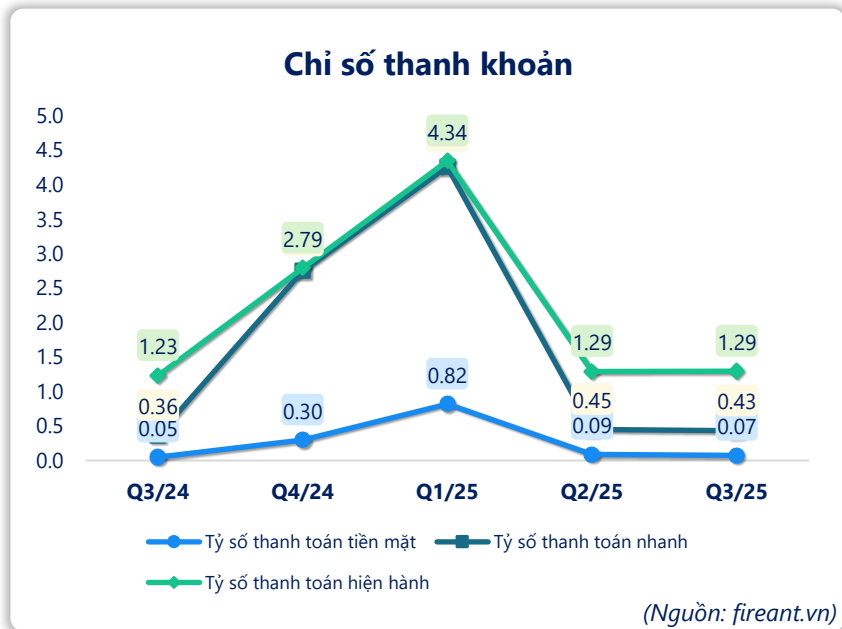
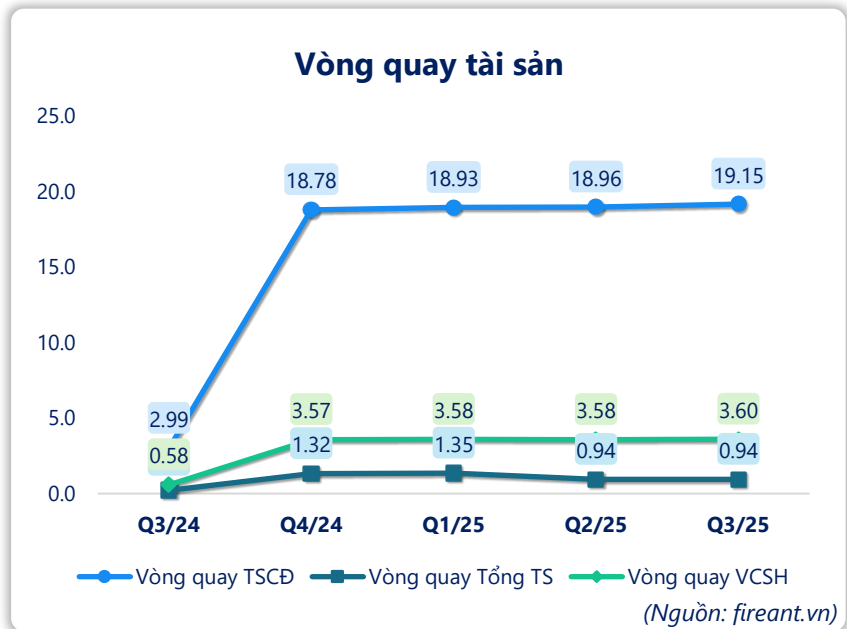
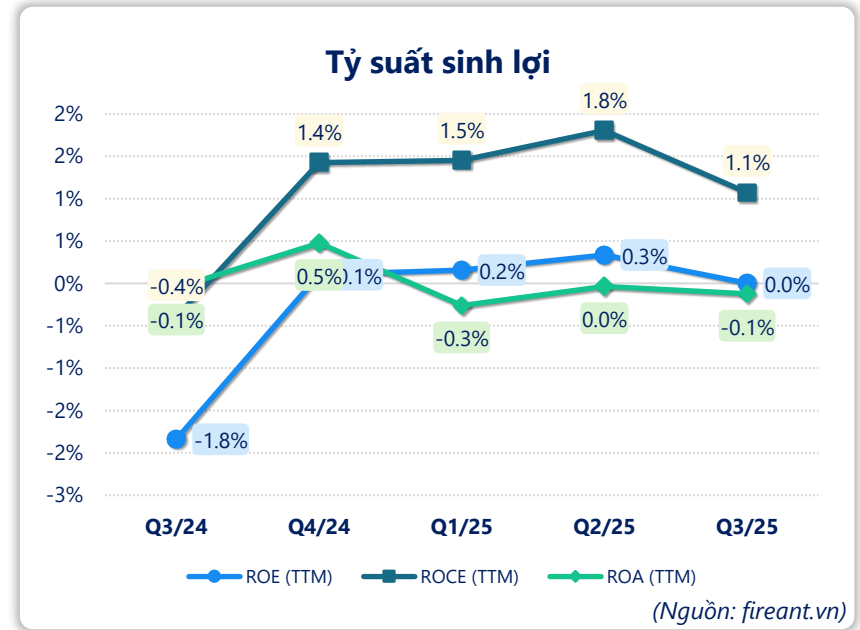
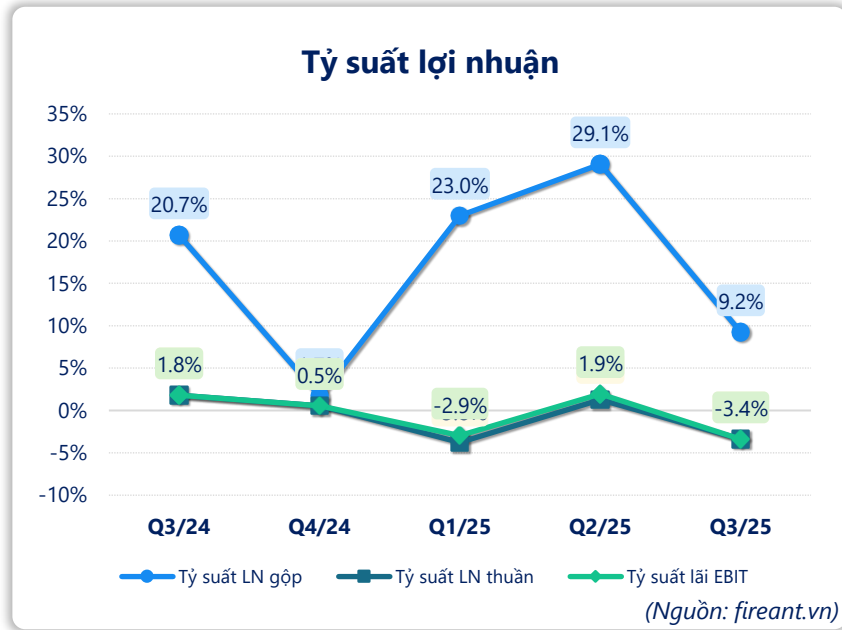
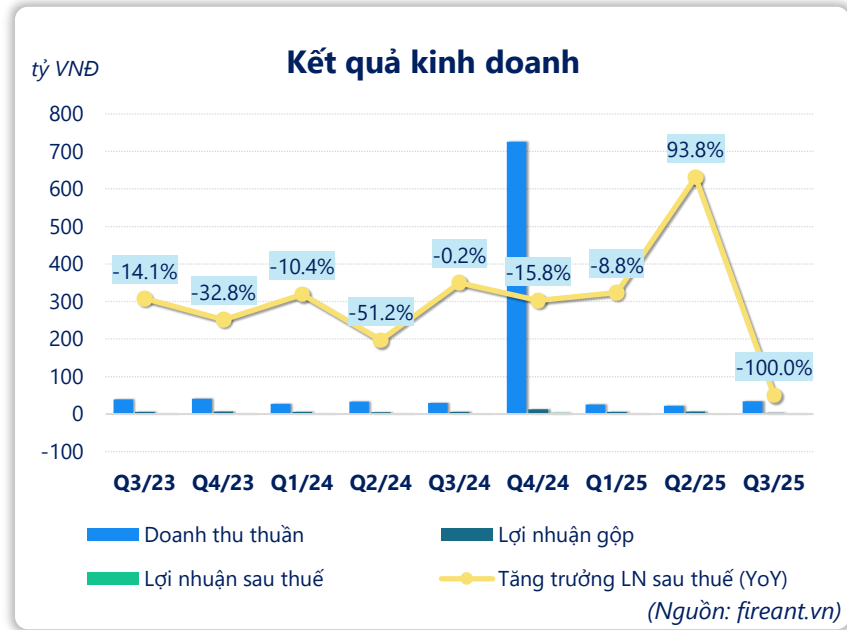


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,100
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,310
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		78
P/E		-135710.9
EPS		

	YTD	1T	3T	6T
PTV	-2.5%	-2.5%	0.0%	-2.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	782	328	138%
Tài sản ngắn hạn	716	260	175%
Tiền và tương đương tiền	41.0	27.6	48.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	81.1	72.6	11.8%
Phải thu ngắn hạn	77.7	155	-49.9%
Hàng tồn kho	478	3.90	12141%
Tài sản ngắn hạn khác	38.0	0.49	7595%
Tài sản dài hạn	66.4	68.1	-2.5%
Phải thu dài hạn	0.07	0.05	34.7%
Tài sản cố định	41.2	42.3	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	24.0	24.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.16	1.62	-28.2%
Lợi thế thương mại	0.03	0.18	-81.8%
Nợ phải trả	558	100	458%
Nợ ngắn hạn	553	93.1	494%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	350	18.2	1821%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.7	19.2	7.7%
Nợ dài hạn	5.17	6.95	-25.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	224	228	-1.7%
Vốn chủ sở hữu	224	228	-1.7%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	29.7	725	25.8	21.7	34.3
Giá vốn hàng bán	23.6	713	19.8	15.4	31.1
Lợi nhuận gộp	6.15	12.4	5.92	6.31	3.17
Doanh thu HĐTC	1.70	1.24	0.69	1.54	1.59
Chi phí TC	0.13	0.20	0.21	0.05	0.05
Chi phí lãi vay	0	0.09	0	0.01	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.04	2.09	1.51	0.90	0.74
Chi phí QLDN	6.15	7.44	5.87	6.63	5.13
LN thuần từ HĐKD	0.54	3.96	-0.97	0.27	-1.16
Lợi nhuận khác	0.00	-0.07	0.21	0.14	0
LN trước thuế	0.54	3.89	-0.76	0.42	-1.16
Lợi nhuận sau thuế	0.29	3.53	-1.04	0.17	-1.16
LNST của CĐ cty mẹ	-0.31	2.94	-1.58	-0.30	-1.06

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.14	407	25.7	-339	-6.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.99	0.61	5.69	-0.33	-4.58
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.60	-414	-18.2	349	1.34
Tiền đầu kỳ	39.8	34.3	27.6	40.8	50.4
Lưu chuyển tiền thuần	-5.53	-6.64	13.2	9.63	-9.48
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.01	0
Tiền cuối kỳ	34.3	27.6	40.8	50.4	41.0

(Nguồn: fireant.vn)